

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 179/2024/DS-PT

Ngày: 19-4-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2024/PTDS ngày 24 tháng 01 năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 455/2023/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở: Số B đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền: Ông Châu Đông D Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N1 Chi nhánh huyện T, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Võ Văn C, sinh năm 1960 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963 (Có mặt);

2. Anh Võ Minh Đ, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1947 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

4. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1967 (Vắng mặt);

5. Bà Hồ Thị Đ1, sinh năm 1968 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị L là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Ngân hàng N1 trình bày:*

Ngân hàng với ông Võ Văn C có lập 02 hợp đồng tín dụng, gồm:

Hợp đồng thứ 01: Hợp đồng tín dụng số LAV-201604865/HĐTD ngày 29/8/2016, theo đó: Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng, mức dư nợ cao nhất: 140.000.000 đồng, Số tiền vay cụ thể được tính cho từng lần rút vốn và được theo dõi tại phụ lục hợp đồng hoặc giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng này. Mục đích sử dụng tiền vay: Nuôi trồng thủy sản, trồng lúa và chăn nuôi, mức lãi cho vay: Được quy định cụ thể trên giấy nhận nợ từng lần. Thời hạn của hạn mức tín dụng: 12 tháng, kể từ ngày 29/8/2016. Ngày nhận tiền vay lần đầu là: Cụ thể trên giấy nhận nợ (kỳ hạn trả nợ thực hiện theo phụ lục kèm theo hoặc theo từng giấy nhận nợ. Giấy nhận nợ ngày 29/8/2016 số tiền 60.000.000 đồng. Giấy nhận nợ ngày 29/8/2016 số tiền 50.000.000 đồng. Giấy nhận nợ ngày 29/8/2016 số tiền 30.000.000 đồng. Cộng dư nợ của hợp đồng tín dụng là 140.000.000 đồng. Hợp đồng thứ 02: Hợp đồng tín dụng số LAV-201604866/HĐTD ngày 29/8/2016, theo đó: Phương thức cho vay: Từng lần. Mức dư nợ cao nhất: 100.000.000 đồng. Số tiền vay cụ thể được tính cho từng lần rút vốn và được theo dõi tại phụ lục hợp đồng hoặc giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng này. Mục đích sử dụng tiền vay: Nuôi trồng thủy sản, trồng lúa và chăn nuôi. Mức lãi cho vay: Mức lãi suất 10%/năm. Thời hạn cho vay: 36 tháng, kể từ ngày 29/8/2016. Ngày nhận tiền vay lần đầu là: Cụ thể trên giấy nhận nợ (kỳ hạn trả nợ thực hiện theo phụ lục kèm theo hoặc theo từng giấy nhận nợ. TD – PTV và kỳ hạn trả nợ ngày 29/8/2016 số tiền 100.000.000 đồng. Cộng dư nợ của hợp đồng tín dụng là 100.000.000 đồng. Tổng cộng dư nợ của 02 hợp đồng tín dụng là 240.000.000 đồng. Để bảo đảm cho khoản vay, ông C và bà L có lập Hợp đồng thế chấp số LA 2015/HĐTC ngày 15/4/2015, quyền sử dụng đất diện tích 10.720 m², thửa đất số 324, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại Khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Tính đến ngày 22/12/2023, tổng dư nợ gốc và lãi của ông C là 443.507.361 đồng (gốc 240.000.000 đồng, lãi 203.507.361). Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn C như sau:

+ Buộc ông Võ Văn C phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền vay tính đến ngày 22/12/2023, tổng dư nợ gốc và lãi là 443.507.361 đồng (gốc 240.000.000 đồng, lãi 203.507.361 đồng).

+ Buộc ông C phải trả lãi sau ngày 22/12/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

+ Trường hợp, ông C không thanh toán đủ số tiền như đã yêu cầu, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng

đất diện tích 10.720 m², thửa đất số 324, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại Khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (theo Giấy chứng nhận phát hành số AN 263188 do UBND huyện T cấp cho ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị L ngày 04/02/2009), để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

+ Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Về nguồn gốc đất: Phần đất diện tích 10.720 m², thửa đất số 324, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại Khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau và được Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phát hành số AN 263188 ngày 04/02/2009, có nguồn gốc do cha mẹ ruột của bà tặng cho do bà đứng tên chủ hộ. Trước đây, bà và ông C là vợ chồng. Nhưng sau đó bà và ông C ly hôn và được giải quyết cho ly hôn tại Bản án số 177 ngày 18/6/2021 của TAND huyện Trần Văn Thời. Bà và ông C có chung 02 người con, là Võ Minh Đ và Võ Minh T2 (Tính chết trên 10 năm nay, không có vợ con). Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, thấy rằng: Việc, ông C có vay tiền của Ngân hàng có hay không thì bà không biết, vì bà không có ký tên tại hợp đồng tín dụng do Ngân hàng xuất trình. Còn, việc Ngân hàng xác định bà có ký tên tại Hợp đồng thế chấp số LA 2015/HĐTC ngày 15/4/2015, để cùng ông C thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 10.720 m², thửa đất số 324, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại Khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau, là không có. Nay, Ngân hàng yêu cầu trường hợp ông C không chịu trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp là phần đất 10.720 m², là bà không đồng ý, bà không có cùng với ông C ký thế chấp phần đất này và bà cũng không đồng ý cho Tòa án tiến hành đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần đất. Vì, phần đất này bà đã cầm cố cho vợ chồng người cháu tên Nguyễn Văn T1 và Hồ Thị Đ1 và hiện nay phần đất đã giao cho ông Nguyễn Văn T (là anh ruột của bà), quản lý sử dụng đến nay. Việc, bà cầm cố đất không có làm giấy tờ, cố 30 chỉ vàng 24k, thời hạn cố khi nào có vàng thì chuộc lại, cô đất trên 10 mấy năm nay. Nhưng khi Ngân hàng thực hiện thủ tục đăng ký thế chấp thì phía Ngân hàng không xác minh cụ thể phần đất này do ai quản lý là không đúng. Nay, bà L yêu cầu hủy Hợp đồng thế chấp số LA 2015/HĐTC ngày 15/4/2015.

- *Đối với bị đơn ông Võ Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Minh Đ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Hồ Thị Đ1:*

Khi thụ lý, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục tổng đạt đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 455/2023/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bị đơn ông Võ Văn C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N tiền gốc và lãi tính đến ngày 22/12/2023 với tổng số tiền 443.507.361 đồng (Bốn trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm lẻ bảy ngàn, ba trăm sáu mươi một đồng).

Công nhận có hiệu lực và duy trì Hợp đồng thế chấp số LA 2015/HĐTC ngày 15/4/2015 ký giữa Ngân hàng N Chi nhánh huyện Trần Văn T3 với ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị L, là:

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 10.720 m², thửa đất số 324, tờ bản đồ số 35, đất tại Khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (do ông C và bà L được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận phát hành số AN 263188 ngày 04/02/2009), để đảm bảo thi hành án.

Sau khi, ông Võ Văn C đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng N Chi nhánh huyện T có trách nhiệm liên hệ Cơ quan có thẩm quyền xoá đăng ký thế chấp ngày 15/4/2015 và giao trả cho ông C và bà L bản gốc Giấy chứng nhận phát hành số AN 263188 do UBND huyện T cấp ngày 04/02/2009.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu huỷ Hợp đồng thế chấp số LA 2015/HĐTC ngày 15/4/2015 ký giữa Ngân hàng N Chi nhánh huyện Trần Văn T3 với ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị L.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/01/2024 bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng huỷ hợp đồng thế chấp số LA 2015/HĐTC ngày 15/4/2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị L xác định bà L không có cùng với ông Võ Văn C ký tên tại Hợp đồng thế chấp số LA 2015/HĐTC ngày 15/4/2015, để thế chấp cho Ngân hàng N chi nhánh huyện T phần đất diện tích 10.720 m², nên bà L yêu cầu huỷ bỏ Hợp đồng thế chấp số LA 2015/HĐTC ngày 15/4/2015, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Bà L xác định, thời điểm bà L và ông C vẫn còn chung sống tại ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau, bà L ông C có nuôi tôm con để bán, mọi việc nuôi tôm do ông C thực hiện, sau đó việc nuôi tôm thất bại, nên ông C bỏ đi đâu không biết. Sau đó, bà L nộp đơn xin ly hôn với ông C và được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời giải quyết cho ly hôn tại Bản án số 177 ngày 18/6/2021. Như vậy, tại thời điểm ông C vay tiền tại Ngân hàng, thì bà L và ông C vẫn tồn tại quan hệ

vợ chồng. Việc bà L cho rằng không biết ông C vay tiền tại Ngân hàng là không có cơ sở chấp nhận.

[1.2] Ngoài ra, bà L cho rằng bà không có ký tên tại Hợp đồng thế chấp số LA 2015/HĐTC ngày 15/4/2015. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số 3488/KL-KTHS ngày 13/7/2013 (bút lục 138) của Phân Viện khoa học hình sự Bộ C1 tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Thị L” dưới mục “Các đồng sở hữu (nếu có) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị L trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M20 là do cùng một người ký, viết ra.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm phía bà L cũng không cung cấp thêm tài liệu nào chứng minh kết luận giám định là thiếu chính xác hay không khách quan. Do đó bà L kháng cáo cho rằng không có ký tên và yêu cầu huỷ Hợp đồng thế chấp số LA 2015/HĐTC ngày 15/4/2015 là không được chấp nhận.

[1.4] Như vậy hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng với ông C và bà L được ký kết là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức, nên được xem hợp pháp. Do vậy nếu ông C không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ được bảo đảm khi đến hạn (thời điểm đến hạn theo quy định tại hợp đồng tín dụng), vi phạm các cam kết và nghĩa vụ của mình theo quy định của hợp đồng thế chấp phía Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 10.720 m², thửa đất số 324, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại Khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau, như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản giữa các bên để thanh toán nợ. Sau khi, ông C thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có trách nhiệm trả cho ông C và bà L bản gốc Giấy chứng nhận phát hành số AN 263188 do UBND huyện T cấp ngày 04/02/2009.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bà L kháng cáo nhưng cũng không cung cấp thêm được tài liệu và chứng cứ nào khác ngoài các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại cấp sơ thẩm.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu theo quy định, tuy nhiên bà L đã có đơn xin miễn nộp và thuộc trường hợp được miễn nên được chấp nhận miễn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 455/2023/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc ông Võ Văn C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N tiền gốc và lãi tính đến ngày 22/12/2023 với tổng số tiền 443.507.361 đồng (Bốn trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm lẻ bảy ngàn, ba trăm sáu mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo sau ngày 22/12/2023, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức tín dụng cho vay.

Công nhận có hiệu lực và duy trì Hợp đồng thế chấp số LA 2015/HĐTC ngày 15/4/2015 ký giữa Ngân hàng N Chi nhánh huyện Trần Văn T3 với ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị L, là:

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 10.720 m², thửa đất số 324, tờ bản đồ số 35, đất tại Khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (do ông C và bà L được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận phát hành số AN 263188 ngày 04/02/2009), để đảm bảo thi hành án.

Sau khi, ông Võ Văn C đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng N Chi nhánh huyện T có trách nhiệm liên hệ Cơ quan có thẩm quyền xóa đăng ký thế chấp ngày 15/4/2015 và giao trả cho ông C và bà L bản gốc Giấy chứng nhận phát hành số AN 263188 do UBND huyện T cấp ngày 04/02/2009.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu huỷ Hợp đồng thế chấp số LA 2015/HĐTC ngày 15/4/2015 ký giữa Ngân hàng N Chi nhánh huyện Trần Văn T3 với ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị L.

3. Về chi phí tố tụng 700.000đồng. Ông Võ Văn C phải chịu, Ngân hàng N đã dự nộp. Buộc ông Võ Văn C có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 700.000 đồng (Bảy trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

4. Về án phí:

Án phí sơ thẩm : Bà Nguyễn Thị L được miễn; ông Võ Văn C phải chịu số tiền 21.740.294 đồng (Hai mươi một triệu bảy trăm bốn mươi ngàn hai trăm chín mươi bốn đồng); Ngân hàng N không phải chịu; Ngày 21/11/2022 Ngân hàng N có dự nộp tạm ứng án phí số tiền 10.153.000 đồng (Mười triệu một trăm năm mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 5739 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L được miễn theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Minh Hoàng